

Số: 8056/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi,
bổ sung lĩnh vực hoạt động tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của
Ngân hàng Chính sách xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ văn bản số 705/NHCS-PC ngày 12/02/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện kiểm soát thủ tục giải quyết công việc của NHCSXH;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban: Pháp chế, Tín dụng học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động Tín dụng được công bố tại Quyết định số 8056/QĐ-NHCS ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH; Danh mục thủ tục được công bố tại Phần A, nội dung cụ thể của các thủ tục được công bố tại Phần B ban hành kèm theo Quyết định này.

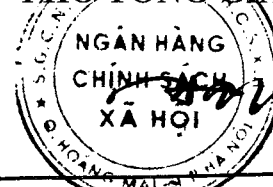
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng NHCSXH; Giám đốc: Ban Pháp chế, Ban Tín dụng học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác, các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch, Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (b/cáo);
- Tổng Giám đốc (báo cáo);
- Trưởng BKS; các Phó TGĐ, KTT;
- Website NHCSXH (Ban PC);
- TTCNTT: truyền filetrans cho chi nhánh; NHCSXH tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TDSV, PC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Hải



**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**
kèm theo Quyết định số 10575/QĐ-NHCS ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

**Phần A
DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC**

Danh mục TTGQCV được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH

Số TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.006503	Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.	Văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019	Hoạt động Tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)
2	2.002218	Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh)	Như trên	Như trên	Như trên
3	2.002219	Thủ tục vay vốn trực tiếp người lao động để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn	Như trên	Như trên	Như trên

Phần B

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- *Viết Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ);*

- Nộp giấy đề nghị vay vốn và các giấy tờ khác trong Hồ sơ vay vốn cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định (Mẫu số 05b/GQVL) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn;

- Nếu không phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04a/GQVL) ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn;

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 07b/GQVL).

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ):* 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ *Giấy xác nhận thông tin về cư trú còn giá trị tại thời điểm nhận hồ sơ hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (trường hợp NHCSXH chưa thể khai thác được thông tin khách hàng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư):* 01 bản chính, 01 bản sao (01 bản chính lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản sao lưu người vay);

- Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền: 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*) (nếu có)

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án, Thủ tướng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình).

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV:

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục hoặc Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Hợp đồng tín dụng (*Mẫu số 07b/GQVL*);
- Hoặc Thông báo từ chối cho vay (*Mẫu số 04a/GQVL*).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1);*

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;
- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án;
- Có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất đối với trường hợp người vay bị thu hồi đất;

l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Văn bản số 329/NHCS-TDSV ngày 03/02/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

- Văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV.



(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Số CCCD/CMND:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú⁽¹⁾ :

Điện thoại:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

Người khuyết tật theo Giấy xác nhận khuyết tật số do Ủy ban nhân dân xã cấp ngày

Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....

.....

Nơi thực hiện dự án:

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:, cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Ông/bà:

Có dự án được thực hiện tại địa phương.

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp đề nghị vay vốn tại nơi thường trú thì ghi thông tin nơi thường trú; trường hợp đề nghị vay vốn tại nơi tạm trú thì ghi thông tin nơi tạm trú.

2. Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh).

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng:

- Lập Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ) có xác nhận của UBND cấp xã;

- Nộp Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và các giấy tờ khác trong Hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định (Mẫu số 05a/GQVL) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn;

- Nếu không phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04a/GQVL) ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn;

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 07a/GQVL); lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo quy định của NHCSXH (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bộ lưu khách hàng sau khi được phê duyệt cho vay);

- Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ): 02 bản chính;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa); Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với hợp tác xã); Hợp đồng hợp tác (đối với Tổ hợp tác) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với Hộ kinh doanh): 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Văn bản ủy quyền của các thành viên ủy quyền cho người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH (đối với Tổ hợp tác và Hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên): 02 bản chính hoặc bản sao được công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã;

- Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật: Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản chính;

+ *Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc giấy khai sinh của người lao động theo danh sách: 02 bản sao/01 người lao động;*

Giấy xác nhận thông tin về cư trú còn giá trị tại thời điểm nhận hồ sơ hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của những người lao động trong danh sách (trong trường hợp Cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động và NHCSXH chưa thể khai thác được thông tin khách hàng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư): 02 bản sao/01 người lao động.

+ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao;

- Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số: 02 bản chính;

+ Giấy xác nhận khuyết tật của người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp: 02 bản sao/01 người lao động;

+ *Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc giấy khai sinh của người lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản sao/01 người lao động;*

+ *Giấy xác nhận thông tin về cư trú còn giá trị tại thời điểm nhận hồ sơ hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của những người lao động trong danh sách (trong trường hợp Cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động và NHCSXH chưa thể khai thác được thông tin khách hàng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư): 02 bản sao/01 người lao động.*

+ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao/01 người lao động;

- Giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có): 01 bản chính.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án, Thủ tướng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình).

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân, Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV:

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục hoặc Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Hợp đồng tín dụng (*Mẫu số 07a/GQVL*);

- Hoặc Thông báo từ chối cho vay (*Mẫu số 04a/GQVL*).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (*Mẫu số 2*).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động hợp pháp;

- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, duy trì hoặc thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật đối với dự án vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên.

l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

- Văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV.

(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại: Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
- Hoặc hợp đồng hợp tác số:
5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do: quyết định
- Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền
6. Mã số thuế:
7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)
Năm:
 - Tổng doanh thu: đồng
 - Tổng chi phí: đồng
 - Thuế: đồng
 - Lợi nhuận: ... đồngNăm:



- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

2. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có:người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên dự án:

Nơi thực hiện dự án:

2. Nội dung dự án

a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):
.....
- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):..
.....
- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):
.....

b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:
 - + Diện tích mở rộng, cải tạo:
 - + Chi phí mở rộng, cải tạo:
- Đầu tư trang thiết bị:
 - + Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):
 - + Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):
- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động:người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có):người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu:đồng

- Tổng chi phí:đồng

- Lợi nhuận:đồng

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng .. năm

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền:đồng

(*Bằng chữ:*)

để dùng vào việc:

4. Thời hạn vay: .. tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Khấu hao tài sản từ vốn vay: đồng

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: đồng

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: đồng


- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: đồng

6. Trả gốc: Trả lãi theo:

7. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.



**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Có dự án được thực hiện tại địa phương./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục vay vốn trực tiếp người lao động để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- *Viết Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ);*

- Nộp giấy đề nghị vay vốn và các giấy tờ khác trong Hồ sơ vay vốn cho Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Hợp Tổ bổ sung tổ viên, bình xét cho vay (*Mẫu số 10C/TD*);

- Kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (*Mẫu số 03/TD*) và gửi kèm Giấy đề nghị vay vốn (*Mẫu số 1*) của các tổ viên trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách (*Mẫu số 03/TD*).

Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn;

- Nếu không phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo từ chối cho vay (*Mẫu số 04a/GQVL*) ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn;

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (*Mẫu số 07b/GQVL*);

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo kết quả phê duyệt cho vay (*Mẫu số 04/TD*) gửi người vay.

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ):* 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền: 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*) (nếu có)

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trong trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trong trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nơi thực hiện dự án, Thủ tướng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình).

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV:

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục hoặc Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND xã, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và Ban quản lý Tổ TK&VV, Trưởng thôn.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (*Mẫu số 04/TD*), Hợp đồng tín dụng (*Mẫu số 07b/GQVL*);

- Hoặc Thông báo từ chối cho vay (*Mẫu số 04a/GQVL*).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

- Có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất đối với trường hợp người vay bị thu hồi đất.

l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Văn bản số 329/NHCS-TDSV ngày 03/02/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV.

(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Số CCCC/CMND:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú⁽¹⁾:

Điện thoại:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

Người khuyết tật theo Giấy xác nhận khuyết tật số do Ủy ban nhân dân xã cấp ngày

Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....

Nơi thực hiện dự án:

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:, cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Ông/bà:

Có dự án được thực hiện tại địa phương.

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Trường hợp đề nghị vay vốn tại nơi thường trú thì ghi thông tin nơi thường trú; trường hợp đề nghị vay vốn tại nơi tạm trú thì ghi thông tin nơi tạm trú.